

Bản án số: 2120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3045/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2188/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2864/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Mai L, sinh năm 1987 (có yêu cầu vắng mặt)

Căn cước công dân số: 079187005595 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022.

Địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Ngô Thành N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Mã số định danh: 079074030263.

Địa chỉ: Số E Đường F, Tổ G, Khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Mai L thì:

Bà L và ông Ngô Thành N quen biết, tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyển số 01 ngày 15/5/2007. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không đi làm để lo trang trải cuộc sống gia đình, ngày nào cũng ăn nhậu và không phụ giúp bà lo cho con cái. Bà L đã nhiều lần khuyên giải để ông N thay đổi nhưng vẫn không được. Hai vợ chồng không còn tiếng nói chung. Bà L và ông N đã ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Nay bà L xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm được với ông N, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà L và ông N có 02 (hai) con chung tên Ngô Bảo Q (nữ), sinh ngày 20/11/2013 và Ngô Gia H (nam), sinh ngày 29/6/2015. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Ngô Thành N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đương sự nhưng vẫn không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Bích Mai L có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn ông Ngô Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Mai L về việc ly hôn với ông Ngô Thành N. Con chung: Giao 02 con chung Ngô Bảo Q (nữ), sinh ngày 20/11/2013 và Ngô Gia H (nam), sinh ngày 29/6/2015 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Bích Mai L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Thành N cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà L phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Bích Mai L có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn ông Ngô Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Bích Mai L và ông Ngô Thành N kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường D, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyền số 01 ngày 15/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Thành N nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Bích Mai L.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà L thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không đi làm để lo trang trải cuộc sống gia đình, ngày nào cũng ăn nhậu và không phụ giúp bà lo cho con cái. Bà L đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông N vẫn không thay đổi. Hai vợ chồng không còn tiếng nói chung. Ông N và bà L đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Như vậy, ông N, bà L đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà L có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 405 Quyền 03 ngày 29/11/2013 và Giấy khai sinh số 236 Quyền 02 ngày 10/7/2015 thì xác định bà Nguyễn Bích Mai L và ông Ngô Thành N có 02 (hai) con chung là Ngô Bảo Q (nữ), sinh ngày 20/11/2013 và Ngô Gia H (nam), sinh ngày 29/6/2015. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N và ông đã biết bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung nhưng ông vẫn không có ý kiến, yêu cầu gì. Cả 02 trẻ đều xác nhận đang sống chung với bà L và có mong muốn được tiếp tục được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao 02 con chung là Ngô Bảo Q và Ngô Gia H cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết trong vụ án

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Bích Mai L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Mai L:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích Mai L, sinh năm 1987 ly hôn ông Ngô Thành N, sinh năm 1974

Về con chung: Giao 02 con chung Ngô Bảo Q (nữ), sinh ngày 20/11/2013 và Ngô Gia H (nam), sinh ngày 29/6/2015 cho bà Nguyễn Bích Mai L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết trong vụ án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng bà Nguyễn Bích Mai L phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0007134 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Thị Thanh

